

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THỦ ĐỨC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THỦ ĐỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THU DUC INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THỦ ĐỨC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0316899880

**3. Ngày thành lập:** 10/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3A, tòa nhà The Golden Building, số 19 Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0912003234

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh Bất động sản                                                                                                                                 | 6810(Chính) |
| 2.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                             | 6619        |
| 3.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                   | 7020        |
| 4.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ quản lý dự án, quản lý tài sản, quản lý các tiện ích và cung cấp các dịch vụ liên quan bao gồm bảo vệ, làm sạch và bảo trì;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản. | 6820        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                      | 4321        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                      | 4322        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng                  | 4329        |
| 8.  | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                    | 8110        |
| 9.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                      | 8121        |
| 10. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                          | 8129        |
| 11. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                      | 8130        |
| 12. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                          | 4101        |
| 13. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                    | 4102        |
| 14. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                        | 4222        |
| 15. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                   | 4221        |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                               | 4212        |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                 | 4299        |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                          | 4312        |
| 19. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                     | 4311        |

**6. Vốn điều lệ:** 170.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 17.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                              | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần  | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐÀO THỊ TIẾT<br>NHUNG | Thôn Mỹ Thành,<br>Xã Hòa Thắng,<br>Huyện Phú Hoà,<br>Tỉnh Phú Yên,<br>Việt Nam                                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 85.000         | 850.000.000              | 0,500        | 221213262                                                                                                              |            |
|     |                       |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                 | Tổng số                            | 85.000         | 850.000.000              | 0,500        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                 |                                    |                |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | VÕ TUẤN<br>ANH        | Số 168 Trần<br>Hưng Đạo, Tổ<br>dân phố 12, Thị<br>Trấn Đắk Mil,<br>Huyện Đắk Mil,<br>Tỉnh Đắk Nông,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 15.300.<br>000 | 153.000.000.00<br>0      | 90,000       | 245004252                                                                                                              |            |
|     |                       |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                 | Tổng số                            | 15.300.<br>000 | 153.000.000.00<br>0      | 90,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                 |                                    |                |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                          |                           |           |                |       |           |
|---|----------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|-------|-----------|
| 3 | NGUYỄN VĂN HẢI | KP Nội Hóa 1, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.615.000 | 16.150.000.000 | 9,500 | 281104316 |
|   |                |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000 |           |
|   |                |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000 |           |
|   |                |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000 |           |
|   |                |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000 |           |
|   |                |                                                                          | Tổng số                   | 1.615.000 | 16.150.000.000 | 9,500 |           |
|   |                |                                                                          |                           |           |                |       |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VÕ TUẤN ANH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *20/08/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *245004252*

Ngày cấp: *26/07/2018*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Đắk Nông*

Địa chỉ thường trú: *Số 168 Trần Hưng Đạo, Tổ dân phố 12, Thị trấn Đắk Mil, Huyện Đắk Mil, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 168 Trần Hưng Đạo, Tổ dân phố 12, Thị trấn Đắk Mil, Huyện Đắk Mil, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh